



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.Hồ Chí Minh-Tel: (84.8)38205944 fax: (84.8)38205942

E-mail: infor@ascs.com.vn Website: www.ascs.com.vn

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢN CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 42



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ

Ban Ban quản trị của Công Ty Cổ Phần Thiết kế Xây dựng Thương Mại Phúc Thịnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh đăng ký kinh doanh lần đầu tại ngày 07 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; đăng ký thay đổi lần thứ bảy vào ngày 24 tháng 10 năm 2014.

Trụ sở chính : 2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ : 32.000.000.000 VND (Ba mươi hai tỷ đồng).

Vốn pháp định : 6.000.000.000 VND (Sáu tỷ đồng).

Mã chứng khoán giao dịch **PTD**. Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 701/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 10 năm 2015.

2. Lĩnh vực Kinh doanh

Thiết Kế, Xây Dựng, Thương Mại và Kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng nhà các loại; San lấp mặt bằng; Sửa chữa máy móc, thiết bị xây dựng; Xây dựng cầu đường; Sửa chữa và trang trí nội thất; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình thủy; Sửa chữa, bảo trì đồ điện; Đại lý; Thi công hệ thống cơ điện, phòng cháy chữa cháy; Thi công hệ thống cấp thoát nước; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Bán buôn sắt, thép; Sản xuất, lắp đặt khung, kèo thép; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty và tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2017 kết thúc tại ngày 30/06/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Ban quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị

Ông Tô Khải Đạt	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Quang Huân	Thành viên HĐQT
Ông Hồ Thanh Đức	Thành viên HĐQT
Ông Trần Minh Trúc	Thành viên HĐQT
Ông Yang, Pei-Long	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám Đốc

Ông Tô Khải Đạt	Tổng Giám Đốc
Ông Bùi Quang Huân	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Hồ Thanh Đức	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Minh Trúc	Phó Tổng Giám Đốc

Ban Kiểm soát

Bà Dương Thị Ngọc Thùy	Trưởng ban
Ông Trần Ngọc Tú	Thành viên
Ông Hoàng Trường Giang	Thành viên



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Kế toán trưởng

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2017 và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 của Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực; hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

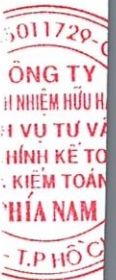
Ban Quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ngày 14 tháng 08 năm 2017

T.M. Ban Quản trị
Tổng Giám đốc



Tô Khải Đạt



**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2017 kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017, trình bày từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Quản trị Công ty

Ban Quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2017
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



LÊ VĂN TUẤN

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2013-142-1

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		340.476.857.556	214.225.909.602
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		28.313.053.515	37.413.031.862
1. Tiền	111	V.1	5.366.086.677	24.086.065.024
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.946.966.838	13.326.966.838
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.780.415.372	65.409.613.901
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.349.128.338	38.205.683.607
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.997.819.305	1.511.728.406
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	26.433.467.729	25.692.201.888
IV. Hàng tồn kho	140		233.922.965.826	104.104.955.196
1. Hàng tồn kho	141	V.6	233.922.965.826	104.104.955.196
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.460.422.843	7.298.308.643
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	24.435.328.096	7.298.308.643
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		25.094.747	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.289.271.372	38.866.143.746
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		476.700.000	4.027.120.000
5. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	476.700.000	4.027.120.000
II. Tài sản cố định	220		8.831.289.021	30.525.176.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	8.395.087.468	28.536.267.257
- Nguyên giá	222		19.628.834.909	40.318.115.999
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.233.747.441)	(11.781.848.742)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	436.201.553	1.988.908.779
- Nguyên giá	228		520.580.120	2.028.660.120
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(84.378.567)	(39.751.341)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			560.148.958
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			560.148.958
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	8.500.000.000	
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.500.000.000	
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.481.282.351	3.753.698.752
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	3.480.852.455	3.753.698.752
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		429.896	
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		361.766.128.928	253.092.053.348



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		292.187.666.619	180.401.248.775
I. Nợ ngắn hạn	310		292.187.666.619	180.397.696.346
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	64.208.624.190	50.369.188.246
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		165.075.675.086	73.449.143.688
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	659.893.855	3.911.744.389
4. Phải trả người lao động	314		42.075.000	7.874.316.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		152.374.652	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			42.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	3.461.066.914	1.717.075.514
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	V.14	54.835.803.156	40.439.372.760
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.752.153.766	2.594.355.749
II. Nợ dài hạn	330			3.552.429
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			3.552.429
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		69.578.462.309	72.690.804.573
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	69.578.462.309	72.690.804.573
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		32.000.000.000	32.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.512.000.000	11.512.000.000
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		408.543.866	504.022.816
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.184.761.606	4.026.963.589
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (LNCPP)	421		15.522.527.419	19.666.634.851
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.942.201.635	8.088.654.681
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.580.325.784	11.577.980.170
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.16	4.950.629.418	4.981.183.317
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		361.766.128.928	253.092.053.348

011729
 CÔNG TY
 CHIÊM HỮU
 VỤ TƯ VẤN
 KẾ T
 KIỂM TOÁN
 HIA NAM
 T.P.HỒ C

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu ..



Đặng Hùng Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Vũ

Tổng Giám đốc



Tô Khai Đạt

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/06/2017	30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	216.827.537.279	177.816.441.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	216.827.537.279	177.816.441.514
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	199.263.660.894	158.012.424.242
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.563.876.385	19.804.017.272
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	650.647.517	154.385.853
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	1.361.680.616	856.486.038
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.354.223.912</i>	<i>779.621.037</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên danh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	250.075.000	724.195.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	10.651.510.099	10.802.605.058
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.951.258.187	7.575.117.029
12. Thu nhập khác	31	VI.8	797.240	629.441.319
13. Chi phí khác	32	VI.9	97.040.401	110.587.469
14. Lợi nhuận khác	40		(96.243.161)	518.853.850
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.855.015.026	8.093.970.879
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.253.751.974	1.693.074.748
17. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(3.982.325)	(51.636.109)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.605.245.377	6.452.532.240
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.580.325.784	6.412.526.998
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		24.919.593	40.005.242
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.12	1.793	1.804
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	71			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu



Đặng Hùng Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Vũ

Tổng Giám đốc



Tô Khai Đạt

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND CỐ PHẦN



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/06/2017	30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.855.015.026	8.093.970.879
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.027.861.507	1.583.589.673
- Các khoản dự phòng	03			105.546.948
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.720.183)	56.690.173
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(640.470.630)	(184.385.853)
- Chi phí lãi vay	06		1.354.223.912	779.621.037
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.593.909.632	10.435.032.857
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.228.910.677)	9.839.076.848
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(129.871.264.515)	(58.083.636.162)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		106.079.165.668	77.843.509.129
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		255.865.256	370.053.769
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.201.849.260)	(779.621.037)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.623.272.360)	(1.181.567.664)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			(431.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(37.996.356.256)	38.011.047.740
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(261.000.000)	(1.347.275.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		23.708.356.364	30.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.000.000.000)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		640.470.630	154.385.853
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.087.826.994	(1.162.889.511)



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận-Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/06/2017	30/06/2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		190.537.168.878	93.250.091.337
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(176.140.738.482)	(67.095.291.337)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.573.934.000)	(6.747.404.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.822.496.396	19.407.396.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.086.032.866)	56.255.554.229
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.413.031.862	13.243.176.385
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		(13.945.481)	(460.023)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	28.313.053.515	69.498.270.591

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Đặng Hùng Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Vũ

Tổng Giám đốc



Tô Khải Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Công ty liên kết : Công ty Cổ phần Bồi Long
Địa chỉ : Số 2 Cộng Hoà, Phường 04, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí
Ngành nghề : Sản xuất và kinh doanh đá trang trí nội thất.
Vốn đăng ký : 16.200.000.000 đồng Tỷ lệ góp vốn/quyền biểu quyết: 45%.
Vốn đầu tư đã góp : 8.500.000.000 đồng Tỷ lệ góp vốn/quyền biểu quyết: 24%.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

1 Cơ sở hợp nhất

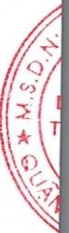
a. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến quyền mất kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập Đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

c. Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

d. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

e. Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

f. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

g. Hoạt động ở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất Báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty tại Nước ngoài - Công ty Cổ phần Phúc Thịnh Campuchia (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá nếu có sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Công ty.

Tỷ giá chuyển đổi tại ngày 30/06/2017 của KHR là 4.082 và của đồng US Dollar là 22.700 Ngày 31/12/2016 của KHR là 4.033 và của đồng US Dollar là 22.720.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu nợ phải thu: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

b. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

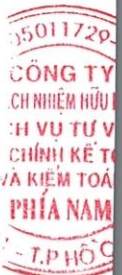
7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

7.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

7.2. Tài sản cố định vô hình

+ **Quyền sử dụng đất:** gồm có

- Quyền sử dụng đất được Nhà Nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

8. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. ...

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. .

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3

Công ty Cổ phần Bội Long

Việt Nam

Công ty liên kết



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

20. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

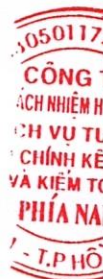
Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu. Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Tiền mặt	5.366.086.677	24.086.065.024
	281.275.688	665.513.803
+ VND	186.159.263	124.862.007
+ KHR	95.116.425	540.651.796
+ Tiền gửi ngân hàng	5.084.810.989	23.420.551.221
Tiền gửi VND	5.065.443.803	22.810.143.657
- VIBANK CN Thành phố	4.059.148.289	55.109.162
- ACB CN Tân Bình	460.407.406	
- MB CN Sài Gòn	545.888.108	22.755.034.495
Tiền gửi gốc ngoại tệ	19.367.186	610.407.564
+ USD	3.281.739	68.707.325
- VIBANK CN Thành phố		65.198.221
- ACB CN Tân Bình	3.281.739	3.509.104
+ KHR	16.085.447	541.700.239
- Sacom bank - Cambodia	4.458.960	7.107.270
- Canadia Bank - Cambodia	7.676.687	534.592.969
- Cathay United Bank - Cambodia	3.949.800	
Các khoản tương đương tiền	22.946.966.838	13.326.966.838
+ VND	22.946.966.838	13.326.966.838
- ACB - CN Tân Bình	20.257.608.490	5.257.608.490
- MB CN Sài Gòn	2.689.358.348	8.069.358.348
Cộng	28.313.053.515	37.413.031.862



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30/06/2017			Ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (**)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (**)	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	8.500.000.000					
Công ty Cổ Phần Bồi Long (*)	8.500.000.000					
Cộng	8.500.000.000			-		

(*) Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết:

Công ty đầu tư vào công ty liên kết theo Quyết định của Hội Đồng Quản Trị ngày 10 tháng 04 năm 2017, Công ty sẽ góp vốn vào Công ty Cổ Phần Bồi Long số tiền là 16.200.000.000 đồng chiếm 45% vốn điều lệ. Tuy nhiên đến thời điểm 30/06/2017 Công ty đã đầu tư số tiền 8,5 tỷ và theo kế hoạch đến cuối năm Đơn vị sẽ góp đủ vốn theo cam kết.

Công ty CP Bồi Long được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Bồi Long theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312104565 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính : Số 2 Cộng Hòa, Phường 04, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh đá trang trí nội thất.

(**) Đơn vị không xác định giá trị hợp lý do không có giá niêm yết trên thị trường.



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Cụ Thành		3.975.900.000
Jifa S.OK Garment Co., Ltd		714.174.118
Công ty CP Găng Việt		4.440.722.687
Công ty TNHH Dệt Jifa Thành An	36.000.012	16.165.251.089
Công ty TNHH Pro Well Việt Nam		4.595.228.136
Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu	5.680.293.033	5.115.000.000
Công ty CP Bồi Long	9.345.000.000	
Công ty TNHH Zing Yong	3.360.000.000	
Khác	927.835.293	3.199.407.577
Cộng	<u>19.349.128.338</u>	<u>38.205.683.607</u>

b) Phải thu khách hàng dài hạn**c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Đối tượng	Mối quan hệ	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Bồi Long	Công ty liên kết	9.345.000.000	
		<u>9.345.000.000</u>	

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Cao Đồng Phát	128.600.000	320.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Nam Thắng Đăk Nông	-	345.000.000
Cty TNHH Xây Dựng Điện Hưng Dũng	-	200.000.000
Công ty CP Sản Xuất Vật Liệu Xây Dựng và Phát Triển Cơ Sở Hạ Tầng Tây Ninh	97.370.000	189.660.000
Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Thủ Đức 1	-	185.328.000
Công ty TNHH Cơ Điện Semco	2.101.226.243	
Công ty TNHH Vina Filter Technology	982.300.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thế Hưng	907.634.123	
Khác	3.780.688.939	271.740.406
Cộng	<u>7.997.819.305</u>	<u>1.511.728.406</u>

b) Trả trước cho người bán dài hạn**c) Trả trước cho các bên liên quan**

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

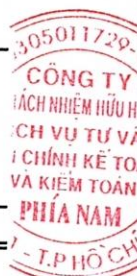
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

5. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn		
- Tạm ứng	333.731.999	293.697.400
+ Nhân viên	333.731.999	293.697.400
- Ký cược, ký quỹ	1.295.799.528	381.454.275
+ Thực hiện công trình	1.295.799.528	381.454.275
- Phải thu khác	24.803.936.202	25.017.050.213
+ Bảo hiểm xã hội		13.705.331
+ Phải thu tiền quyết toán thuế TNCN		792.578.775
+ Phải thu hoàn thuế GTGT	23.799.233.834	23.799.233.834
+ Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn	75.313.674	
+ Phải thu khác	929.388.694	411.532.273
Cộng	<u><u>26.433.467.729</u></u>	<u><u>25.692.201.888</u></u>

b) Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn thực hiện công trình	476.700.000	527.120.000
- Phải thu Công ty TNHH MTV Bồi Long		3.500.000.000
Cộng	<u><u>476.700.000</u></u>	<u><u>4.027.120.000</u></u>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Công cụ, dụng cụ	103.085.930		114.926.493	
- Chi phí	233.819.879.896		103.934.170.955	
- Hàng hóa			55.857.748	
Cộng	<u><u>233.922.965.826</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>104.104.955.196</u></u>	<u><u>-</u></u>

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

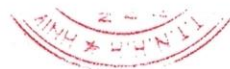
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị xây dựng	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	20.805.777.100	2.407.028.229	14.254.486.545	891.191.073	1.959.633.052	40.318.115.999
Số tăng trong năm		121.000.000	140.000.000			261.000.000
- Mua trong năm		121.000.000	140.000.000			261.000.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						
- Tăng do quy đổi tỷ giá						
Số giảm trong năm	20.805.777.100		118.616.868	659.522	25.227.600	20.950.281.090
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm do quy đổi tỷ giá			118.616.868	659.522	25.227.600	
- Chuyển sang BĐSĐT	20.805.777.100					20.805.777.100
Số dư cuối kỳ		2.649.028.229	14.771.720.281	892.510.117	2.010.088.252	19.628.834.909
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.456.404.390	2.298.590.702	7.001.806.765	437.156.965	587.889.920	11.781.848.742
Số tăng trong năm		28.928.024	785.968.916	71.617.058	96.720.273	983.234.271
- Khấu hao trong kỳ		28.928.024	785.968.916	71.617.058	96.720.273	983.234.271
- Tăng do quy đổi tỷ giá						
Số giảm trong năm	1.456.404.390		66.794.678	568.235	7.568.269	1.531.335.572
- Chuyển sang BĐSĐT	1.456.404.390					1.456.404.390
- Giảm do quy đổi tỷ giá			66.794.678	568.235	7.568.269	74.931.182
Số dư cuối năm		2.327.518.726	7.720.981.003	508.205.788	677.041.924	11.233.747.441
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	19.349.372.710	108.437.527	7.252.679.780	454.034.108	1.371.743.132	28.536.267.257
- Tại ngày cuối năm		321.509.503	7.050.739.278	384.304.329	1.333.046.328	8.395.087.468

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là

VND



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phát minh, bằng sáng chế	Phần mềm quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.508.080.000		520.580.120		2.028.660.120
Số tăng trong năm					
Số giảm trong năm	1.508.080.000				1.508.080.000
- Chuyển sang BĐSĐT	1.508.080.000				1.508.080.000
Số dư cuối kỳ			520.580.120		520.580.120
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			39.751.341		39.751.341
Số tăng trong năm			44.627.226		44.627.226
- Khấu hao trong kỳ			44.627.226		44.627.226
Số dư cuối kỳ			84.378.567		84.378.567
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu kỳ	1.508.080.000		480.828.779		1.988.908.779
- Tại ngày cuối kỳ			436.201.553		436.201.553

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

9. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn		
Cộng		
b) Dài hạn		
+ Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.796.856.172	2.434.643.042
+ Chi phí sửa chữa văn phòng	395.484.892	
+ Tiền thuê đất	1.288.511.391	1.319.055.710
Cộng	<u><u>3.480.852.455</u></u>	<u><u>3.753.698.752</u></u>

11. Phải trả người bán**11.1. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Cung cấp vật tư				
Công ty TNHH XD Lê Phan	10.316.406.499	10.316.406.499	6.458.289.499	6.458.289.499
Công ty CP Thép Quang Tiến	4.919.437.696	4.919.437.696	9.178.694.259	9.178.694.259
Công ty CP KD & PT Bình Dương (TDC)	226.715.658	226.715.658	5.376.879.858	5.376.879.858
Công ty TNHH Nhà thép Trí Việt	5.067.309.976	5.067.309.976	560.505.000	560.505.000
Công ty TNHH Cơ Khí và Xây Dựng	4.863.330.871	4.863.330.871	1.365.094.166	1.365.094.166
Công ty TNHH Nippo Vina	5.582.567.477	5.582.567.477	157.567.627	157.567.627
Công ty CP XD TM DV Đại Lộc Phát	4.284.500.000	4.284.500.000	3.695.680.000	3.695.680.000
Công ty TNHH Hwan Tai Việt Nam	3.011.006.910	3.011.006.910	-	-
Nhà cung cấp khác	674.190.000	674.190.000	23.576.477.837	23.576.477.837
Cộng	<u><u>64.208.624.190</u></u>	<u><u>64.208.624.190</u></u>	<u><u>50.369.188.246</u></u>	<u><u>50.369.188.246</u></u>

11.2. Phải trả người bán dài hạn

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dệt Jifa Thành An Việt Nam	84.078.218.165	48.059.510.000
Công ty TNHH Zing Yong	9.081.818.182	9.081.818.182
Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu Việt Nam	14.950.000.000	14.950.000.000
Công trình XD nhà xưởng Công ty CP Bồi Long	3.398.181.819	
Công trình Qing Dao Roy Ne	25.793.197.760	689.960.960
Công trình Tiatan	5.500.000.000	
Các khách hàng khác	22.274.259.160	667.854.546
Cộng	<u><u>165.075.675.086</u></u>	<u><u>73.449.143.688</u></u>

13. Phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải trả ngắn hạn khác		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	759.594.920	701.254.920
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	46.750.000	46.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.377.940.000	551.874.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	276.781.994	417.196.594
Cộng	<u><u>3.461.066.914</u></u>	<u><u>1.717.075.514</u></u>
b) Phải trả dài hạn khác		
Cộng	<u> </u>	<u> </u>
c) Nợ quá hạn chưa thanh toán		
Cộng	<u> </u>	<u> </u>



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giới đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**a) Phải nộp**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT được khấu trừ		7.298.308.643	29.467.169.305	12.345.570.426		24.435.328.096
- Thuế GTGT đầu ra			12.345.570.426	12.345.570.426		
- Thuế TNDN	2.979.910.401		1.323.127.663	3.643.144.209	659.893.855	
- Thuế TNCN	931.833.988		329.150.628	1.286.079.363		25.094.747
- Thuế tài nguyên						
Cộng	3.911.744.389	7.298.308.643	43.465.018.022	29.620.364.424	659.893.855	24.460.422.843

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

14. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	54.835.803.156	54.835.803.156	190.537.168.878	176.140.738.482	40.439.372.760	40.439.372.760
Vay ngắn hạn tại ngân hàng						
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Cộng Hòa (i)	7.970.000.000	7.970.000.000	71.904.719.324	77.614.886.479	13.680.167.155	13.680.167.155
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn (ii)	37.844.283.316	37.844.283.316	103.670.929.714	87.021.052.003	21.194.405.605	21.194.405.605
Vay ngắn hạn bên liên quan						
Ông Tô Khải Đạt (iii)	9.021.519.840	9.021.519.840	14.961.519.840	11.504.800.000	5.564.800.000	5.564.800.000
b. Vay dài hạn						
Cộng	54.835.803.156	54.835.803.156	190.537.168.878	176.140.738.482	40.439.372.760	40.439.372.760

(i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công, xây lắp và phát hành bảo lãnh dự thầu, thực hiện hợp đồng và bảo hành thông qua Hợp đồng cấp tín dụng số TAB.DN.470.060117 ngày 09/01/2017 và Phụ lục hợp đồng số TAB.DN.470.060117/PL01 ngày 09/01/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số TAB.DN.349.060117 ngày 09/01/2017.

(ii) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán theo Hợp đồng xây dựng số 10/HĐKT-2016 ngày 01/06/2016 về việc thực hiện "Giao nhận thầu thi công san lấp mặt bằng phạm vi nhà xưởng, xây dựng mới nhà xưởng, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống PCCC-Chống sét được ký kết giữa Công ty TNHH Dệt Jifa Thành An (Việt Nam) thông qua Hợp đồng số 25568.16.110.2351852.TD ngày 02 tháng 12 năm 2016 và Phụ lục 01.25568.16.110.2351852.TD ngày 08 tháng 12 năm 2016.

(iii) Vay không có tài sản đảm bảo ông Tô Khải Đạt – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	32.000.000.000	11.512.000.000	385.875.450	2.682.284.415	4.791.544.478	17.723.013.028	69.094.717.371
- Lãi năm trước					40.005.242	6.412.526.998	6.452.532.240
- Chia cổ tức						(6.400.000.000)	(6.400.000.000)
- Trích lập các quỹ				1.344.679.174		(2.689.358.347)	(1.344.679.173)
- Tăng/giảm khác do quy đổi tỷ giá			(80.806.322)		(53.870.882)		(134.677.204)
Số dư cuối kỳ trước	32.000.000.000	11.512.000.000	305.069.128	4.026.963.589	4.777.678.838	15.046.181.679	67.667.893.234
Số dư đầu năm nay	32.000.000.000	11.512.000.000	504.022.816	4.026.963.589	4.981.183.317	19.666.634.851	72.690.804.573
- Lãi trong năm					24.919.593	4.580.325.784	4.605.245.377
- Chia cổ tức						(6.400.000.000)	(6.400.000.000)
- Trích lập các quỹ				1.157.798.017		(2.315.596.034)	(1.157.798.017)
- Tăng/giảm do quy đổi tỷ giá			(95.478.950)		(55.473.492)	(8.837.182)	(159.789.624)
Số dư cuối kỳ này	32.000.000.000	11.512.000.000	408.543.866	5.184.761.606	4.950.629.418	15.522.527.419	69.578.462.309



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

15. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/06/2017</u>	%	<u>01/01/2017</u>
Tô Khải Đạt	7.600.000.000	23,75	7.600.000.000
Bùi Quang Huân	3.840.000.000	12,00	3.840.000.000
Hồ Thanh Đức	1.600.000.000	5,00	1.576.100.000
Trần Minh Trúc	1.600.000.000	5,00	1.600.000.000
Yang, Phei-Long	200.000.000	0,63	200.000.000
Nguyễn Hoàng Vũ	380.000.000	1,19	380.000.000
Các cổ đông khác	16.780.000.000	52,44	16.803.900.000
Cộng	<u>32.000.000.000</u>	100	<u>32.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	32.000.000.000	32.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong trong		
+ Vốn góp cuối năm	32.000.000.000	32.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
+ Cổ tức được chia	6.400.000.000	6.400.000.000

d. Cổ phiếu

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.200.000	3.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.200.000	3.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.200.000	3.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.200.000	3.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.200.000	3.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

e. Cổ tức**- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	20%	20%

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	5.184.761.606	1.344.679.174
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.752.153.766	1.344.679.174



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

16. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Vốn gốc đầu tư	4.215.269.068	4.215.269.068
Lợi nhuận lũy kế các năm	477.068.370	452.148.777
Chênh lệch do quy đổi tỷ giá	258.291.980	313.765.472
	<u><u>4.950.629.418</u></u>	<u><u>4.981.183.317</u></u>

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
17.1. Tài sản thuê ngoài		
17.2. Tài sản nhận giữ hộ		
17.3. Ngoại tệ các loại		
+ USD	144,57	3.024,09
+ KHR	2.892.546	192.127.014
17.4. Vàng ngoại tệ		
17.5. Nợ khó đòi đã xử lý	338.971.264	338.971.264

Đối tượng	Giá trị	Thời điểm xử lý	Nguyên nhân
Cty TNHH Chế biến gỗ Khánh Phát	127.877.365	2015	Không làm việc được với
Cty TNHH Xây Dựng Pha Định	211.093.899	2016	Không làm việc được với
Cộng	<u><u>338.971.264</u></u>		



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
Doanh thu thi công xây dựng	185.552.986.656	168.739.936.015
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.933.468.662	210.454.545
Doanh thu thương mại	3.632.725.597	8.866.050.954
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	23.708.356.364	
Cộng	216.827.537.279	177.816.441.514

2. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.920.981.809	6.497.804.803
Giá vốn thi công xây dựng	174.333.306.557	151.514.619.439
Giá vốn kinh doanh bất động sản	21.009.372.528	
Cộng	199.263.660.894	158.012.424.242

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	640.470.630	154.385.853
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.176.887	
Cộng	650.647.517	154.385.853

4. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.354.223.912	779.621.037
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.456.704	76.865.001
Cộng	1.361.680.616	856.486.038

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
5.1 Chi phí bán hàng	250.075.000	724.195.000
Cộng	250.075.000	724.195.000

5.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên	5.759.875.568	5.581.251.823
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	897.064.868	763.265.627
Chi phí đồ dùng văn phòng	306.292.252	299.245.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	889.722.478	1.411.666.368
Thuế phí và lệ phí	152.159.163	101.780.505
Dự phòng phải thu khó đòi		105.546.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.303.667.800	1.695.866.181
Chi phí khác bằng tiền	342.727.970	843.981.850
Cộng	10.651.510.099	10.802.605.058



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
Xử lý nợ phải trả quá hạn		360.893.680
Tiền bồi thường		61.950.498
Lãi do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, CCDC		30.000.000
Thu nhập khác	797.240	176.597.141
Cộng	797.240	629.441.319

7. Chi phí khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
Bồi thường công trình	52.400.000	11.446.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	35.835.526	20.048.844
Chi phí khác	8.804.875	79.092.625
Cộng	97.040.401	110.587.469

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.580.325.784	6.412.526.998
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	1.157.798.017	641.252.700
- Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.200.000	3.200.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (*)	1.793	1.804

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa	135.621.550.162	61.122.502.320
Chi phí nhân công	46.528.797.427	31.414.848.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	403.447.007	1.564.573.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.411.065.518	124.181.094.029
Chi phí khác bằng tiền	1.785.367.054	1.687.991.764
Cộng	312.750.227.168	219.971.009.968



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có.
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	190.537.168.878	93.250.091.337

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	176.140.738.482	67.095.291.337

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
3. Thông tin về các bên liên quan có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu:

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan	Ban Quản trị và các thành viên trong gia đình
+ Phúc Thịnh (Cambodia) Corporation	Công ty con
+ Công ty CP Bồi Long	Công ty liên kết

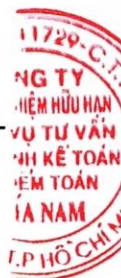
3.2. Giao dịch với bên có liên quan**a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Lương, thưởng của Ban Quản trị	783.396.000	816.106.000
Cộng	783.396.000	816.106.000

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tô Khải Đạt	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Minh Trúc	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Kế toán trưởng
Ông Trần Ngọc Tú	Thành viên Ban kiểm soát



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giai đoạn sáu tháng đầu năm kết thúc 30/06/2017	
Ông Tô Khải Đạt	+ Cho Công ty mượn tiền bổ sung vốn lưu động	14.961.519.840	
	+ Công ty hoàn trả trả tiền mượn	11.504.800.000	
Ông Trần Minh Trúc	+ Công ty chi tạm ứng	9.000.000	
	+ Hoàn trả tạm ứng cho Công ty	4.810.001	
Ông Trần Ngọc Tú	+ Công ty chi tạm ứng	241.519.000	
	+ Hoàn trả tạm ứng cho Công ty	179.416.400	

Tại ngày 30/06/2017, công nợ giữa Công ty với các Bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2017	01/01/2017
Ông Tô Khải Đạt	Vay ngắn hạn	9.021.519.840	5.564.800.000
Ông Trần Minh Trúc	Tạm ứng	4.189.999	
Ông Trần Ngọc Tú	Tạm ứng	69.400.000	7.297.400

4. Thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng tại số 2 Cộng Hoà, Quận Tân Bình Tp. Hồ Chí Minh.

5. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

a. Khu vực địa lý

Công ty có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động chủ yếu tại các tỉnh phía Nam Việt Nam và hoạt động ở thị trường Campuchia thông qua đầu tư dưới hình thức Công ty con.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
Doanh thu tại Việt Nam	213.857.881.966	177.816.441.514
Doanh thu tại Campuchia	2.969.655.313	
Cộng	216.827.537.279	177.816.441.514

b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực thi công, xây lắp, cung cấp các dịch vụ thiết kế, giám sát, dịch vụ khác và thương mại. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh như sau:

- + Bộ phận thi công xây lắp : Xây dựng nhà các loại
- + Bộ phận dịch vụ : Cung cấp các dịch vụ thiết kế, giám sát công trình và dịch vụ khác
- + Bộ phận thương mại : Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điện, vật liệu điện.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
Doanh thu thi công xây dựng	185.552.986.656	168.739.936.015
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.933.468.662	210.454.545
Doanh thu thương mại	3.632.725.597	8.866.050.954
Doanh thu bất động sản	23.708.356.364	
Cộng	216.827.537.279	177.816.441.514

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. Quản lý rủi ro của Công ty

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

Ban Quản trị Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

6.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và KHR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6.2. Rủi ro tín dụng



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	54.835.803.156			54.835.803.156
Phải trả người bán	64.208.624.190			64.208.624.190
Phải trả người lao động	42.075.000			42.075.000
Các khoản phải trả khác	3.461.066.914			3.461.066.914
Cộng	122.547.569.260	-	-	122.547.569.260
Số đầu năm				
Vay và nợ	40.439.372.760			40.439.372.760
Phải trả người bán	50.369.188.246			50.369.188.246
Phải trả người lao động	7.874.316.000			7.874.316.000
Các khoản phải trả khác	1.717.075.514			1.717.075.514
Cộng	100.399.952.520	-	-	100.399.952.520

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.313.053.515	37.413.031.862	28.313.053.515	37.413.031.862
Phải thu khách hàng	19.349.128.338	38.205.683.607	19.349.128.338	38.205.683.607
Trả trước cho người bán	7.997.819.305	1.511.728.406	7.997.819.305	1.511.728.406
Các khoản phải thu khác	26.433.467.729	25.692.201.888	26.433.467.729	25.692.201.888
	82.093.468.887	102.822.645.763	82.093.468.887	102.822.645.763
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	64.208.624.190	50.369.188.246	64.208.624.190	50.369.188.246
Người mua trả tiền trước	165.075.675.086	73.449.143.688	165.075.675.086	73.449.143.688
Vay và nợ	54.835.803.156	40.439.372.760	54.835.803.156	40.439.372.760
Phải trả người lao động	42.075.000	7.874.316.000	42.075.000	7.874.316.000
Chi phí phải trả	152.374.652		152.374.652	
Các khoản phải trả khác	3.461.066.914	1.717.075.514	3.461.066.914	1.717.075.514
	287.775.618.998	173.849.096.208	287.775.618.998	173.849.096.208

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Quản trị cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2016 và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Bảng Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu



Đặng Hùng Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Vũ

Tổng Giám đốc



Tô Khải Đạt